

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 10 - 2018
V/v tranh chấp về nuôi con của
nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Ngô Hoàng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - là thư ký Tòa án

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 890/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018, về việc tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 761/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim N (có mặt)

Địa chỉ: Số 1, đường số 2, khóm 8, phường 5, Tp C tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Tống Phước H (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 19, đường N, Khóm 5, Phường 5, Tp C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn là chị Trần Thị Kim N trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, chị và anh H chung sống với nhau vào năm 2011, vì suy nghĩ đơn giản nên không đi đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, anh chị bất đồng về quan điểm sống, sống không hợp nhau, đã ly thân nhau từ 2015 cho đến nay nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung, có 01 con chung tên là Tống Thế A, sinh năm 2012, hiện nay con đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh H.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có.

Tại bản tự khai và lời trình bày của bị đơn là anh Tống Phước H trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về hôn nhân, anh và chị N chung sống với nhau vào năm 2011, không có đăng ký kết hôn, do cả hai không quan tâm đến việc đăng ký kết hôn nên không đi đăng ký. Quá trình chung sống, anh chị bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau, đã ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, nay chị N yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung, anh chị có 01 con chung tên là Tổng Thế A, sinh năm 2012, hiện nay con đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, anh đồng ý tiếp tục giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh.

Về tài sản chung: Anh xác định không có.

Về nợ chung: Anh xác định không có.

Do bận công việc, không thể đến Tòa án để tham gia tố tụng được nên anh H yêu cầu được vắng mặt tại tất cả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Tổng Phước H có yêu cầu vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án..

[3] Về hôn nhân, chị N và anh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Tổng Thế A, sinh năm 2012, hiện nay con đang sống chung với chị N. Anh chị thống nhất về việc anh H tiếp tục giao con cho chị N trực tiếp nuôi, không đề cập vấn đề cấp dưỡng nuôi con của anh H. Xét thấy sự tự nguyện thống nhất về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị N và anh H đều xác định không có.

[5] Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 53,58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Kim N và anh Tống Phước H là vợ chồng.

2/ Về con chung: Buộc anh Tống Phước H giao con chung tên là Tống Thế A, sinh năm 2012, hiện nay con đang sống chung với chị N, cho chị N trực tiếp nuôi, không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con của anh H. Anh H vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, chị N phải chịu. Chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0001490 vào ngày 11/10/2018, được đối trừ, chị N đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Kim Oanh